

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 26-8-2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Thiện.

2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966 và ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 132, tổ 4, ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966 (giấy ủy quyền ngày 29-5-2019); bà H có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư Tài Lộc Tây Ninh thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Nguyễn L; địa chỉ: Ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: Số nhà 41, hẻm 67, tổ 9, đường Cách mạng tháng Tám, khu phố 2, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1961; địa chỉ: Ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1970 và ông Đinh Văn U, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số nhà 49, tổ 18, ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

- Theo đơn khởi ngày 28 tháng 5 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trước đây là của cụ Trần Thị A. Năm 2005, cụ A chết ông T là người được hưởng thừa kế duy nhất của cụ A sử dụng. Năm 2008, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.200m², thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5, phần đất tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Năm 2011, bà H, ông T sang nhượng cho bà T, ông U 01 phần đất diện tích 165m², ngang 5,5m x dài 30m; thửa đất số 363 (cũ 1372), tờ bản đồ 33 (cũ 5), đất tọa lạc ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, ông T còn được sử dụng thửa đất số 367, tờ bản đồ 33, diện tích 233m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất nằm trong lưu không suối Vườn Điều. Năm 2018, bà T, ông U sang nhượng lại phần đất cho bà Huỳnh Thị Nguyễn L ngang 5,5m x dài 30m, diện tích 165m². Năm 2019, bà H, ông T đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 367, tờ bản đồ 33 thì phát hiện bà L đã sử dụng phần đất của mình. Ông bà đã yêu cầu bà L trả lại đất nhưng bà L không đồng ý. Ông T, bà H khởi kiện yêu cầu chị L di dời hàng rào trả lại phần đất thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ 33, diện tích khoảng 233m² tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu chị L trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế còn lại là 211,70m², thửa số 367, tờ bản đồ 33 tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Phần đất chị L lấn chiếm của ông bà đã xây bờ rào kiên cố khoảng 14,9m² vẫn giữ nguyên và giao lại tiền cho ông bà theo giá thực tế. Cây trồng trên phần đất ông bà sẽ giao tiền lại cho chị L.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông T, bà H sang nhượng lại cho vợ chồng bà ngang 5,5m x dài 30m, diện tích 165m² tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Năm 2011, bà và ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà sang nhượng lại cho ông M bằng giấy tay. Lý do lúc đó phần đất của bà không được làm thủ tục sang tên cho người khác. Sau đó ông M sang nhượng lại phần đất cho chị L. Do bà và ông U đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên làm thủ tục sang tên cho chị L. Khoảng năm 2018, chị L có đưa giấy tờ đến nói bà ký tên ranh đất để làm thủ tục sang tên nên ông bà ký. Bà đã giao hết giấy tờ cho chị L làm thủ tục. Bà cam kết bà chỉ bán cho chị L ngang 5,5m x dài 30m, diện tích 165m². Phần đất còn lại sát bờ suối Vườn Điều là của ông T, bà H, bà không bán phần đất đó cho chị L. Trong vụ kiện này bà không tranh chấp gì cả.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trước đây là của cụ A. Sau khi cụ A chết ông T là người thừa kế duy nhất sử dụng. Phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1200m² ông T, bà H đã sang nhượng cho các hộ dân sử dụng. Phần đất còn lại thửa 367, tờ bản đồ 33 là đất lưu không suối Vườn

Điều nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, bà H, ông T khiếu nại thì được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh trả lời là được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, ông T, bà H đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện chị L đã sử dụng phần đất của ông bà. Ông T, bà H khởi kiện yêu cầu chị L trả lại phần đất diện tích khoảng 233m² thửa số 367, tờ bản đồ 33. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H là biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng, nguồn gốc phần đất là của ông T, bà H. Hợp đồng sang nhượng đất giữa ông T, bà H với bà T, ông U. Hợp đồng sang nhượng đất giữa bà T, ông U với chị L và các tài liệu, chứng cứ khác đã nộp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Bị đơn chị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, ông U đã được Tòa án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật. Bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, ông U, ông N vắng mặt không có lý do nhiều lần Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào các Điều 158, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; căn cứ vào các Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T đối với chị L. Buộc chị L trả lại cho ông T, bà H phần đất diện tích 211,7m², thuộc thửa 367, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất gồm 08 cây Dừa, 04 cây Xoài và 02 cây Sầu Riêng; Ghi nhận ông T, bà H đồng ý giao cho chị L tiếp tục sử dụng phần đất đã lấn chiếm xây bờ rào ngang 0,5m x dài 30m diện tích 14,9m². Buộc chị L trả lại giá trị tiền theo đo đạc, định giá là 20.711.000 đồng; Ghi nhận ông T, bà H đồng ý thanh toán cho chị L tiền cây trồng trên đất trị giá là 5.786.000 đồng. Chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Kiến nghị khác không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị L, ông N, ông U đã được Tòa án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị L, ông N, ông U, bà T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trước đây là của cụ Trần Thị A. Năm 2005, cụ A chết ông T là người thừa kế duy nhất của cụ A được sử dụng phần đất này. Sau đó, ông T, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 1.200m² và đã sang nhượng cho các hộ gia đình. Phần đất còn lại thuộc thửa 367, tờ bản đồ số 33, diện tích theo bản đồ địa chính là 233,2m² (theo đo đạc thực tế còn 226,6m²) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong phần lưu không suối Vườn Điều. Năm 2019, bà H và ông T đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện chị L đang sử dụng phần đất của mình. Như vậy, nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thửa 367, tờ bản đồ 33 là của ông T, bà H.

[3] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ngày 29-7-2011, ông T, bà H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T, ông U đối với thửa đất 1372 (mới 363), tờ bản đồ số 5 (mới 33) diện tích 165m² có chiều ngang 5,5m x dài 30m tọa lạc tại tổ 4, ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông U, bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23-9-2011. Ngày 21-02-2018, ông U, bà T ký Hợp đồng chuyển nhượng phần đất nên trên cho chị L nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay chị L đã xây nhà, bờ rào và sử dụng cả 02 thửa đất 363 và 367. Hình thức lấn chiếm là cất nhà và xây bờ rào lấn sang thửa 367 ngang 0,5m x dài 30m là 14,9m². Còn trên phần đất trống thửa 367 chị L trồng 08 cây Dừa, 04 cây Xoài và 02 cây Sầu Riêng.

[4] Kết quả đo đạc, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

- Thửa đất số 363 (cũ 1372), tờ bản đồ 33 (cũ 05), diện tích 179,7m², tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Đông giáp đường đất 8m dài 5,5m + 0,5m; Tây giáp đất bà H, ông T dài 5,5m + 0,5m; Nam giáp đất ông P dài 30,14m; Bắc giáp thửa 367 dài 29,79m.

- Thửa đất 367, tờ bản đồ số 33, diện tích 211,7m², tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đường đất 8m dài 4,48m; Tây giáp đất bà H, ông T dài 4,82m; Nam giáp thửa 363 dài 29,79m; Bắc giáp suối Vườn Điều dài 17,42m + 12,65m.

- Phần đất chị L đã xây bờ rào lấn sang phần đất thửa 367, tờ bản đồ 33 là 14,90m², trị giá là 20.711.000 đồng;

- Phần đất đang tranh chấp diện tích 211,70m² có giá là 267.588.800 đồng; trên thửa đất 367, tờ bản đồ 33 chị L trồng 08 cây Dừa, 04 cây Xoài và 02 cây Sầu Riêng có giá 5.786.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, bà H, ông T yêu cầu Tòa án buộc chị L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 211,7m², thửa đất số 367, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà H, ông T đồng ý giao phần đất 14,9m² chị L đã xây bờ rào kiên cố tiếp tục sử dụng và thanh toán tiền lại cho ông bà. Cây trồng trên phần đất tranh chấp ông bà sẽ giao tiền lại cho chị L. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thể hiện nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông T, bà H. Do trước đây phần đất nằm trong phần lưu không suôi Vườn Điều nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất ông T, bà H sang nhượng cho ông U, bà T ngang 5,5m x dài 30m diện tích 165m². Bà T, ông U sang nhượng lại cho chị L cũng ngang 5,5m x dài 30m, diện tích 165m² (BL 220, 221, 222). Theo biên bản hòa giải ngày 22-5-2019, chị L cũng xác định sang nhượng của ông M ngang 5,5m x dài 30m (BL 15, 16). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T là có căn cứ.

[6] Ý kiến và đề xuất nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là có căn cứ.

[7] Xét ý kiến và đề nghị nêu trên của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H đối với chị L về việc trả lại phần đất đã chiếm có diện tích thực tế là 211,7m², thửa 367, tờ bản đồ 33 tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông T, bà H tự nguyện giao cho chị L tiếp tục sử dụng phần đất đã chiếm xây bờ rào kiên cố diện tích 14,9m² và thanh toán tiền đất cho ông bà. Ông bà được sử dụng cây trồng trên đất tranh chấp và ông bà giao tiền cây trồng cho chị L là phù hợp.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Bà H, ông T đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ là 21.100.000 đồng. Chị L phải chịu 21.100.000 đồng chi phí tố tụng khác. Thu của chị L trả lại cho bà H, ông T.

[10] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chị L phải chịu 13.379.000 (mười ba triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn) đồng án phí trả lại phần đất và 1.036.000 (một triệu không trăm ba mươi sáu ngàn) đồng án phí thanh toán tiền cho bà H, ông T. Tổng cộng, chị L phải chịu 14.415.000 (mười bốn triệu bốn trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà H, ông T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí thanh toán tiền cây trồng trên đất. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011843 ngày 10-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà H, ông T 950.000 (chín trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 158 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 202 và Điều 203 của Bộ luật đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T đối với chị Huỳnh Thị Nguyễn L.

- Buộc chị Huỳnh Thị Nguyễn L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 211,7m², thửa đất số 367, tờ bản đồ 33 tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền trên đất gồm 08 cây Dừa, 04 cây Xoài và 02 cây Sầu Riêng; phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường đất 8m dài 4,48m;
- + Tây giáp đất bà H, ông T dài 4,82m;
- + Nam giáp thửa 363 dài 29,79m;
- + Bắc giáp suối Vườn Điều dài 17,42m + 12,65m.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị H thanh toán cho chị Huỳnh Thị Nguyễn L tiền cây trồng trên đất trị giá là 5.786.000 (năm triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T giao cho chị Huỳnh Thị Nguyễn L tiếp tục sử dụng phần đất đã xây bờ rào kiên cố có diện tích 14,90m², tách từ thửa 367, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau:

- + Đông giáp đường đất 8m dài 0,5m;
- + Tây giáp đất bà H, ông T dài 0,5m;
- + Nam giáp thửa 363 dài 29,82m;
- + Bắc giáp thửa 367 dài 29,79m.

- Buộc chị Huỳnh Thị Nguyễn L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T tiền đất là 20.711.000 (hai mươi triệu bảy trăm mười một ngàn) đồng.

2. Chi phí tố tụng khác: Chị Huỳnh Thị Nguyễn L phải chịu chi phí đo đạc, định giá, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 21.100.000 (hai mươi một triệu một trăm ngàn) đồng. Thu số tiền 21.100.000 (hai mươi một triệu một trăm ngàn) đồng của chị L trả lại cho bà H, ông T.

3. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Nguyễn L phải chịu 14.415.000 (mười bốn triệu bốn trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011843 ngày 10-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây

Ninh. Hoàn trả lại cho bà H, ông T 950.000 (chín trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

5. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng